

Số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2018

V/v “*Xin ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Hoàng Rung K’Nhon**

- Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: **Phan Thị Cẩm**

- Ông: Nguyễn Ngọc Long

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thanh** – Cán bộ

Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Văn Biên** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng mở phiên Tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Lê Thị C** Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bì đơn:** Ông **Điểu L** Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng.

Tất cả đều có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2017, bản tự khai và ý kiến trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay thì:**

Bà và ông Điều L đăng ký kết hôn ngày 08/9/2009 tại UBND xã Đ, huyện R và tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình. Hôn nhân giữa bà và ông Điều L là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà chung sống và làm ăn tại xã Đ, huyện R. Hai vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do điều kiện hoàn cảnh gia đình, bà thường xuyên đi làm ăn xa, quá trình đi làm thì có quen biết thêm một số người, sau khi về nhà

thì mọi người có hay gọi điện và nhắn tin hỏi thăm qua điện thoại (facebook, Zalo), nhưng ông Điều L lại ghen tuông vô cớ, nghĩ rằng bà có quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình. Thậm chí có lần ông L còn ra tay đánh bà. Hiện tại vợ chồng vẫn còn chung sống cùng một nhà, nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà có yêu cầu ly hôn với ông Điều L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà có 02 đứa con chung. Đó là

+Cháu: Điều Thị Như L sinh ngày 24/10/2010

+Cháu: Điều Thị Như Q sinh ngày 30/3/2013

Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 cháu, và yêu cầu ông Điều L cấp dưỡng 2 triệu/ tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện R số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng). Sau khi ly hôn bà yêu cầu mỗi người trả một nửa.

Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*** Theo bản tự khai , biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Điều L thì:**

Về quan hệ hôn nhân: ông công nhận cuộc sống chung của ông và bà Cúc có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Tuy nhiên ông cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do cả hai bên, nhưng chưa tới mức không hòa giải được, hai vợ chồng cũng đã tự hòa giải với nhau và chung sống hòa thuận, hơn nữa ông còn thương yêu vợ con. Nay bà C có yêu cầu xin ly hôn thì ông không đồng ý.

- Về con chung:

Quá trình chung sống ông và bà C có 02 đứa con chung như bà C khai là đúng. Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 2 cháu và không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: ông và bà C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện R số tiền: 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng). Sau khi ly hôn ông yêu cầu mỗi người trả một nửa.

Ngoài ra ông không còn yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án và đường lối xử lý vụ án: Qua xem xét tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai nhận của các bên đương sự tại phiên tòa hôm nay thì thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, bà C và ông L có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, quá trình chung sống, hai bên thường xuyên mâu thuẫn, xét thấy tình cảm vợ chồng bà C, ông Điều L không còn khả năng hàn gắn lại được, nên Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu xem xét các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm định tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị C và ông Điều L cùng trú tại Thôn T, xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 08/9/2009, trên cơ sở tự nguyện, nên xác định hôn nhân của bà Lê Thị C và ông Điều L là hôn nhân hợp pháp. Xuất phát từ việc cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà Lê Thị C yêu cầu xin ly hôn với ông Điều L. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “Xin ly hôn” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị C và ông Điều L đã tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện R, tỉnh Lâm Đồng, nên xác định hôn nhân của bà Lê Thị C và ông Điều L là hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống bà C, ông L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do từ khi bà C đi làm ăn ở tỉnh B, ít quan tâm đến chồng con, nên ông Điều L ghen tuông, từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng giảm sút đến mức nghiêm trọng, nay bà C khẳng định rằng bà và ông L không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà C có nguyện vọng xin ly hôn với ông L. Còn phía ông L thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn một phần cũng do bà C có mối quan hệ với người khác nên mới dẫn đến việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tuy tình cảm của ông dành cho bà C vẫn còn, nhưng cuộc sống chung không thể tiếp tục, nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Xét thấy bà C và ông Điều L đều có nguyện vọng xin ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C giải quyết cho bà C và ông Điều L được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà C và ông L có với nhau 02 người con chung là cháu Đ Thị Như L sinh ngày 24/10/2010 và cháu Điều Thị Như Q sinh ngày 30/3/2013. Khi ly hôn bà C có nguyện vọng được nhận nuôi hai đứa con chung và yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung 2 triệu/tháng. Còn ông L cũng yêu cầu Tòa án xem xét cho ông được nuôi cả 02 người con chung đồng thời không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo nguyện vọng của cháu Điều Thị Như L có nguyện vọng được

sống với bố là ông Điều L; Do đó cần giao cháu Điều Thị Như L sinh ngày 24/10/2010 cho ông Điều L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Điều Thị Như Q sinh ngày 30/3/2013, hiện nay cháu còn nhỏ, nên cần giao cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, bà C và ông Điều L không phải dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Theo lời khai của bà C và ông L thì trong thời gian chung sống vợ chồng ông bà có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch huyện R số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên ngày 19/3/2018, ông Điều L đã thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng chính sách huyện R và Ngân hàng chính sách huyện R không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 26, các Điều 35, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị C và ông Điều L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Điều Thị Như L sinh ngày 24/10/2010 cho ông Điều L có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Điều Thị Như L đến tuổi trưởng thành. Giao cháu Điều Thị Như Q sinh ngày 30/3/2013 cho Bà Lê Thị C có trách nhiệm nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Điều Thị Như Q trưởng thành. Ông Điều L và bà Lê Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị C phải nộp 300.000đ án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đã tạm nộp trước theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003473 ngày 10/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/3/2018) để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đam Rông;
- CC THADS huyện Đam Rông;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Rung K'Nhơn